

**Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST**

**Ngày 29 tháng 3 năm 2022**

*"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Tạ Hồng Tuấn**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phùng Văn Thị và ông Tống Như Hải

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc *"Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 28/TB-TA ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Tài T**; sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ 5, khu Đ, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Hồng N**; sinh năm 1989

Nơi đăng ký thường trú: Khu 3, xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi ở hiện tại: Số 114, Trần Hưng Đạo, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Anh T có mặt, chị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Tài T trình bày như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện kết hôn với nhau ngày 20/6/2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết vợ chồng cùng vào làm ăn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cho đến tháng 4/2018, anh phải về quê ở xã Y, huyện T để chăm sóc bố mẹ đẻ ốm và cũng từ đó vì hoàn cảnh nên anh không quay lại chung sống và làm ăn cùng chị Nhung được nữa, anh và chị N cũng không liên lạc, chấm dứt mọi quan hệ từ đó cho đến nay. Anh xác định vợ chồng đã không còn sống chung từ nhiều năm, tình cảm vợ chồng đến nay không còn vì vậy anh yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Nguyễn Tài T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Hồng N không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Chị N có quan điểm đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Tài T và xác nhận chị và anh T không có con chung, không có tài sản chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án. Còn nguyên đơn là anh Nguyễn Tài T cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tài T và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn do vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên vợ chồng mới chỉ sống chung được một thời gian ngắn, không có mâu thuẫn nhưng do hoàn cảnh gia đình nên từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã không còn sống chung, mỗi người một nơi, cả hai lại không thực sự muốn níu kéo hôn nhân đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến quan hệ tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ để khẳng định: Anh T và chị N đã không còn sống chung để cùng chia sẻ giúp đỡ nhau trong công việc gia đình, không còn thực hiện nghĩa vụ của vợ, chồng trong hôn nhân và trên thực tế thì hôn nhân cũng đã không còn tồn tại từ nhiều năm nay, nếu cứ tiếp tục ràng buộc sẽ làm cho hôn nhân không có ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy yêu cầu ly hôn của anh T và chị N là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác anh Nguyễn Tài T và chị Nguyễn Thị Hồng N đều xác nhận không có nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Nguyễn Tài T phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho anh Nguyễn Tài T và chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Tài T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại “*Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án*” số AA/2020/0003236 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện, tỉnh;
- UBND xã Vân Lĩnh, h. Thanh Ba;
- Các đ-ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Tạ Hồng Tuấn**